

**Chính sách Dân tộc
&
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 04-NQ/TU
VỀ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN DÂN SINH
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIỆU SỐ Ở HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

1. Khái quát đặc điểm, thực trạng dân sinh kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Bắc Bình

Trước năm 2002, Bắc Bình là một huyện miền núi nằm ở phía Bắc của tỉnh, bao gồm 17 xã và 1 thị trấn, có 17 dân tộc sống xen kẽ nhau. Dân số của đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 20,5% so với dân số toàn huyện (4.787 hộ/23.289 hộ). Địa bàn thực hiện NQ-04/TU bao gồm 7 xã (Phan Hiệp, Phan Thanh, Phan Điền, Phan Lâm, Phan Sơn, Phan Tiến) và 2 thôn xen ghép (An Lạc - Bình An và Lương Bắc - Lương Sơn).

Tổng diện tích tự nhiên các xã thực hiện NQ-04/TU là 89.236 ha (chiếm 49% diện tích toàn huyện). Trong đó, diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 70.585 ha/110.223 ha (chiếm 64% diện tích của toàn huyện), đất sản xuất là 4.016 ha, bình quân mỗi hộ có 0,84 ha.

Sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên không chủ động về nguồn nước tưới, dẫn đến chưa chủ động bố trí cây trồng theo hướng hàng hoá. Ở các xã vùng cao, trình độ kỹ thuật canh tác còn hạn chế, vẫn còn mang tính tự cung, tự cấp... Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, đặc biệt là y tế, giáo dục chưa được quan tâm đúng mức. Tình trạng trẻ em trong độ tuổi đến lớp còn thấp. Tỷ lệ suy dinh dưỡng còn cao. Nạn mê tín dị đoan trong đồng bào vẫn còn phổ biến. Đời sống của họ còn nhiều khó khăn. Năm 2001, có 977 hộ nghèo/4115 hộ dân tộc thiểu số, chiếm 23,7%.

Trước những khó khăn trên, đồng thời nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sự thay đổi toàn diện trên các lĩnh vực, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa miền núi và đồng bằng trong huyện, Tỉnh uỷ Bình Thuận đã ban hành Nghị quyết số 04/TU ngày 27/5/2002 về “Xây dựng và phát triển toàn diện dân sinh kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2005”. Đây là bước đột phá có tính lâu dài, bền vững trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, từ đó nâng cao nhận thức và mức sống dân trí, nhằm cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết NQ-04/TU của huyện Bắc Bình

2.1. Về kinh tế

Từ năm 2003 đến 2006 có 7/7 xã và 2 xã có thôn xen ghép đã hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010.

Vấn đề đất sản xuất: Do nhu cầu cấp bách về đất sản xuất của đồng bào, huyện đã có chủ trương giải quyết cho những hộ không có đất và thiếu đất với diện tích tính từ 0,7 ha trở lên. Đến năm 2005, tổng số hộ được giao đất sản xuất là 1.076 hộ, đạt tỷ lệ 63% so với số hộ thiếu đất, đưa diện tích bình quân lên 1,15 ha/hộ (tăng 0,35 ha/hộ so với năm 2001 và thấp hơn Nghị quyết là 0,35 ha/hộ đối với 3 xã có người Chăm sinh sống và 0,85 ha/hộ đối với vùng cao). Điều này chứng tỏ việc sử dụng đất sản xuất tương đối hiệu quả, làm tăng thu nhập trong sản xuất. Vào vụ đầu của năm 2005, thu nhập bình quân của hộ đạt 12 - 15 triệu đồng/ha, cá biệt có hộ thu nhập trên 17 triệu đồng/ha như ở xã Phan Hiệp.

Giao khoán bảo vệ rừng: Từ năm 2002 đến năm 2005, huyện đã giao khoán bảo vệ rừng cho 663 hộ với 26.540 ha. Trong đó, năm 2002 đã giao 1.000 ha cho 25 hộ; năm 2003 đã giao 4.000 ha cho 100 hộ thuộc 4 xã vùng cao; năm 2004 giao 12.500 ha cho 312 hộ của 4 xã

vùng cao và đến năm 2005 giao 9.040 ha cho 226 hộ thuộc 4 xã vùng cao và 3.000 ha cho 75 hộ người Chăm ở xã Phan Hoà. Việc giao khoán bảo vệ rừng cho từng hộ là chủ trương thiết thực được đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao ủng hộ, tạo thêm thu nhập cho tất cả các hộ tham gia giữ rừng, nhằm cải thiện một phần đời sống của người dân.

Phát triển chăn nuôi: Cuối năm 2002 số hộ không có và thiếu bò sinh sản là 1.686 hộ/2.120 con. Nhưng từ năm 2003 đến 2005, huyện đã cho 887 hộ/7 xã vay 1.133 con bò (đạt tỷ lệ 53,4%) với tổng số tiền là 5.431.775.000 đồng. Đến cuối năm 2005 huyện đã giải quyết được trên 90% số bò cần vay, đồng thời cho 28 hộ/7 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số vay 28 con bò đực. Để kịp thời giải quyết thức ăn do nắng hạn trong năm 2004 đối với bò vay sinh sản theo NQ-04/TU, tỉnh đã hỗ trợ 139,5 tấn/142,7 tấn rơm khô cho 7 xã và 2 thôn xen ghép. Cho đến nay, đàn bò vay phát triển tốt, số lượng bò ngày càng tăng, đủ khả năng trả nợ cho Nhà nước khi đến kỳ hạn.

Công tác khuyến nông, khuyến lâm: Năm 2003 – 2005, mặc dù nguồn kinh phí hỗ trợ còn hạn chế, song việc thực hiện các mô hình làm điểm đã được bà con quan tâm học hỏi, như mô hình trình diễn giống lúa cao sản, canh tác bông lai đông xuân. Ngoài ra, huyện còn hỗ trợ 52 con lợn hướng nạc cho 25 hộ, hỗ trợ điều ghép cho 14 hộ/8ha, hỗ trợ trồng bắp lai cao sản. Tập huấn kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi cho 2.850 người dân (57 lớp); hỗ trợ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho 3 xã (Phan Hiệp, Phan Hoà, Phan Thanh), đồng thời thúc đẩy nhanh việc xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

Phát triển ngành nghề truyền thống: Năm 2005, huyện đã quan tâm đầu tư các nghề truyền thống như gôm gọ, dệt thổ cẩm của đồng bào Chăm, thu hút được nhiều chị em phụ nữ tham gia, giải quyết được việc làm cho

nhiều lao động. Nhưng việc đầu tư phát triển nghề gôm gọ chủ yếu ở xã Phan Hiệp, đã hỗ trợ vốn vay cho 120 hộ, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 360 lao động với thu nhập bình quân 15.000đ/lao động/ngày. Đồng thời triển khai thực hiện dệt thổ cẩm ở xã Phan Hoà cho các hộ liên kết. Hình thành xưởng dệt tre Phan Sơn, Phan Tiến, giải quyết cho hơn 200 lao động trong khu vực của đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, khuyến khích đầu tư phát triển các ngành nghề chế biến nông phẩm; trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã xây dựng nhiều cơ sở chế biến, trong đó có một máy xay xát lúa lớn ở xã Phan Thanh công suất 2.400 tấn lúa/năm. Ở Phan Hiệp đã thành lập một công ty TNHH Nông dân đầu tư giống lúa mới, bao tiêu sản phẩm để chế biến với khối lượng 1.800 tấn/năm. Ngoài ra, còn có trên 10 cơ sở xay xát nhỏ phục vụ chế biến cho chăn nuôi trong vùng.

Phát triển thương mại dịch vụ: Huyện đã đầu tư giải quyết cho gần 1.000 hộ ứng vốn cho cây bắp cao sản với diện tích trên 1.000 ha. Trong 4 năm (2002 đến 2005) Trung tâm dịch vụ và phát triển miền núi đã thu mua bắp lai thương phẩm ở vùng cao với số lượng gần 2.000 tấn. Đồng thời, hàng năm nông dân còn được giải quyết giống cây trồng các loại thông qua chính sách trợ giá, trợ cước. Từ năm 2003 đến 2005, tỉnh đã bán 241 tấn giống lúa, gần 30.000 cây xoài và gần 40 tấn bắp giống, hỗ trợ trên 50.000 cây điều ghép, trợ cước trên 100 tấn phân đến các xã và các khu vực theo quy định. Ở giai đoạn này, tỉnh cũng đã hỗ trợ 322,5 triệu đồng chủ yếu đầu tư về đời sống và sản xuất cho 530 hộ. Qua đó, huyện cũng đã thực hiện dự án ổn định và phát triển sản xuất nông lâm nghiệp cho 4 xã vùng cao với số tiền gần 600 triệu đồng, phục vụ mua sắm máy móc cho sản xuất như: máy xới, máy bơm và các loại máy phục vụ cho sau thu hoạch.

Xây dựng cơ sở hạ tầng: Qua các năm tổng nguồn vốn đã thực hiện từ các chương

trình đầu tư và chương trình lồng ghép là 39.525,9 triệu đồng, với khoảng 116 công trình, trong đó hầu hết các công trình được đưa vào sử dụng đều phát huy hiệu quả. Tính đến năm 2005 đã có 16 công trình được đầu tư xây dựng tại các xã thuần, thôn xen ghép, với tổng số giá trị thực hiện là 3.214 triệu đồng, phục vụ cho dân sinh, kinh tế, văn hoá, xã hội. Ngoài ra, còn có các chương trình lồng ghép khác như Chương trình 135 và Trung tâm cụm xã với tổng vốn đầu tư 4.200 triệu đồng (CT 135: 3.500 triệu đồng, TTCX: 700 triệu đồng) gồm 18 công trình và giải ngân được 2.383 triệu đồng cho 17 công trình (trong đó đưa vào sử dụng 8 công trình); Chương trình 134 và 174 với kinh phí duyệt là 1.678 triệu đồng... Nhìn chung, việc đầu tư của chương trình theo NQ-04, cùng với việc lồng ghép với các chương trình mục tiêu khác đã làm tăng hiệu quả rõ rệt, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện.

Về văn hoá – xã hội

Công tác xoá đói giảm nghèo: Trong những năm qua, được sự phối hợp thống nhất giữa các cấp, các ngành, đã đề ra các biện pháp trên nhiều lĩnh vực, nhằm thúc đẩy mục tiêu xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc trên toàn huyện. So với năm 2001, năm 2005 đã giảm được 647 hộ nghèo. Tính đến thời điểm năm 2005 số hộ nghèo còn 330 hộ/4.787 hộ. Từ năm 2003 đến 2005, huyện đã xây nhà tình thương cho 134 căn/134 hộ. Việc thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát và cấp đất ở, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số đến thời điểm này đã được triển khai, xây dựng 229 căn nhà mới với tổng kinh phí là 1.832 triệu đồng thuộc địa bàn của NQ-04/TU.

Công tác văn hoá: Từ năm 2002 đến 2005 đã có 13 đơn vị xây dựng thôn văn hoá và trên 80% đơn vị có chuyển biến tốt, có 6/7 xã đã xây xong nhà văn hoá và đưa vào sử dụng.

Công tác giáo dục: Hiện nay, tại các xã vùng cao và vùng đồng bào dân tộc Chăm đều có đủ trường mẫu giáo và tiểu học. Ngành giáo dục cũng thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách đầu tư của Trung ương và của tỉnh đã tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh. Do vậy, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường từng cấp học qua các năm đều đạt 98% trở lên. Số lượng học sinh tăng dần qua các năm, năm học 2002 – 2003 có 6.863 em, năm học 2002 -2004 có 6.989 em và đến năm học 2004 – 2005 số lượng học sinh hiện có ở các cấp là: tiểu học có 3.960 em, trung học cơ sở - 2.169 em, trung học phổ thông - 396 em, mẫu giáo - 838 em; có 17 em đang theo học các trường cao đẳng, đại học theo chế độ cử tuyển. Đặc biệt, 100% số xã đạt chỉ tiêu về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ của NQ – 04/TU đề ra.

Công tác y tế: Các xã đều có trạm y tế; dụng cụ, trang thiết bị y tế được trang bị tương đối đầy đủ để phục vụ công tác khám chữa bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế trong huyện có 37 người, trong đó có 6 bác sĩ trực tiếp khám chữa bệnh tại trạm. Ở các trạm đều có tủ thuốc xoay vòng; số người đến khám chữa bệnh ngày càng tăng; chương trình tiêm chủng, phòng chống sốt rét, kế hoạch hoá gia đình... được tuyên truyền, mở rộng. Nhờ đó, tỷ lệ tử vong giảm; tỷ lệ sinh bình quân hàng năm đạt 0,07%/năm; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em còn dưới 26%.

Nhìn chung, qua các năm thực hiện NQ-04/TU, công tác điều hành và chỉ đạo của Đảng, Chính quyền, Mặt trận đoàn thể từ huyện đến xã luôn có mối quan hệ chặt chẽ, xuyên suốt, thống nhất. Do đó, đã đầy lùi được nhiều hạn chế trong việc xoá đói giảm nghèo, phát triển dân sinh kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Lê Mùi